

# NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG SINH KẾ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VÙNG ĐỆM ĐẾN TÀI NGUYÊN RỪNG VƯỜN QUỐC GIA KON KA KINH, TỈNH GIA LAI

*Nguyễn Danh*

*Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Gia Lai*

*Nguyễn Văn Vũ*

*Trường Trung học Lâm nghiệp Tây Nguyên*

## TÓM TẮT

Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh được công nhận là Di sản Đông Nam Á từ năm 2003. Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng nhưng vẫn đang đứng trước sự đe dọa về suy giảm. Một trong những nguyên nhân chính là sinh kế của cộng đồng dân cư bên trong và ngoài vùng đệm của Vườn. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 nhóm nguyên nhân chính trong hoạt động sinh kế ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên rừng, đó là: Nhóm nguyên nhân về kinh tế, nhóm nguyên nhân về xã hội, nhóm nguyên nhân về thể chế và quản lý và nhóm nguyên nhân về khoa học và kỹ thuật.

**Từ khóa:** Vườn Quốc gia, Sinh kế, Vùng đệm, Tài nguyên rừng.

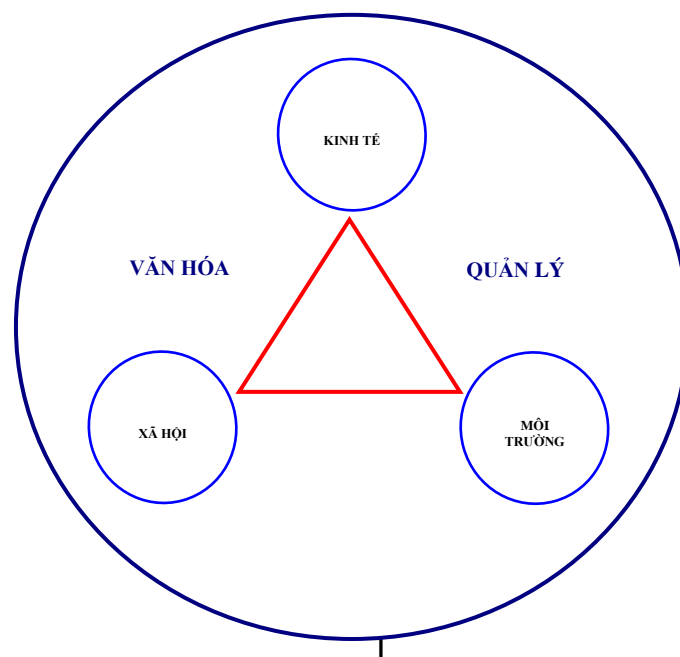
## ĐẶT VẤN ĐỀ

Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh được thành lập theo Quyết định số 167/2002/QĐ-TTg ngày 25/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ, nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Gia Lai, nơi tiếp giáp giữa cao nguyên Pleiku và cao nguyên Kon Hà Nừng. Rừng ở Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh có những nét đặc trưng với đa dạng sinh học cao và đã được quốc tế công nhận. Hội nghị các Bộ trưởng Môi trường của ASEAN tại Yangon, Myanmar vào ngày 18/12/2003 đã công nhận Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh là Di sản Thiên nhiên Đông Nam Á (ASEAN Heritage Kon Ka Kinh National Park).

Các ngành chức năng của tỉnh Gia Lai đã có nhiều nỗ lực trong việc quản lý và bảo vệ nguồn tài nguyên rừng của tỉnh nói chung và khu Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh nói riêng, tuy nhiên, thực tế hiện nay nguồn tài nguyên này đang đứng trước nguy cơ bị giảm sút cả về diện tích và chất lượng. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng nói trên và được khái quát thành 3 nhóm chính: Công tác QLBRV của VQG và chính quyền địa phương; Các hoạt động sinh kế của cộng đồng dân cư (CĐDC) vùng đệm và Các hoạt động sinh kế của cộng đồng dân cư bên ngoài vùng đệm tác động tiêu cực đến tài nguyên rừng.

Để góp phần giải quyết vấn đề nói trên, đề tài "***Nghiên cứu tác động của các hoạt động sinh kế của cộng đồng dân cư vùng đệm đến tài nguyên rừng vườn quốc gia Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai***", đã được thực hiện.

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần giải quyết mối quan hệ giữa ba trụ cột: Kinh tế - Xã hội - Môi trường trong điều kiện về văn hóa và quản lý của địa phương (Hình 1); là cơ sở khoa học để đề ra những giải pháp về tổ chức - quản lý, kinh tế - xã hội, khoa học - kỹ thuật nhằm góp phần quản lý bền vững tài nguyên rừng Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh.



Hình 1: Mối quan hệ giữa 3 trụ cột Kinh tế - Xã hội - Môi trường

## MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài nhằm đạt các mục tiêu sau đây:

- Xác định được các hoạt động sinh kế của cộng đồng dân cư vùng đệm tác động đến TNR VQG Kon Ka Kinh.

- Phân tích nguyên nhân dẫn đến sự hình thành những hoạt động sinh kế đặc biệt những ảnh hưởng tiêu cực trong sinh kế của CĐDC vùng đệm tác động đến TNR VQG Kon Ka Kinh.

- Đề xuất giải pháp nhằm giải quyết nguyên nhân tiêu cực góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương, giảm thiểu tác động bất lợi của CĐDC vùng đệm đến TNR, hướng đến phát triển bền vững TNR ở VQG Kon Ka Kinh.

### Nội dung nghiên cứu

(1) Tình hình cơ bản của khu vực nghiên cứu;

(2) Các hoạt động sinh kế của cộng đồng dân cư vùng đệm tác động đến tài nguyên rừng vườn quốc gia Kon Ka Kinh (Bao gồm tác động tích cực và tiêu cực);

(3) Vai trò của các bên liên quan trong công tác quản lý bảo vệ rừng tại VQG Kon Ka Kinh.

(4) Các nguyên nhân dẫn đến sự hình thành các hoạt động sinh kế của cộng;

(5) Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nhằm giảm tác động bất lợi của cộng đồng dân cư vùng đệm đến tài nguyên rừng vườn quốc gia Kon Ka Kinh.

### Phương pháp nghiên cứu

(1) Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu

- Chọn điểm:

Căn cứ các tiêu chí chọn điểm nghiên cứu của Donovan (1997) và qua quá trình khảo sát thực địa, đề tài đã chọn xã Ayun thuộc huyện Mang Yang làm điểm nghiên cứu, trong đó chọn 3 thôn Đêkyiêng, Vaivêng (cộng đồng dân tộc Bahnar) và thôn Nhơn Bông (cộng đồng người kinh) làm điểm mẫu điều tra thu thập số liệu và thông tin.

- Chọn mẫu:

+ Tiêu chí để chọn hộ: Chọn hộ khá, trung bình và nghèo theo phân loại thực tế của từng thôn

+ Dung lượng mẫu: Lập danh sách với sự thống nhất của trưởng thôn, già làng và chọn ngẫu nhiên 30 hộ đại diện cho 3 nhóm để phỏng vấn: 10 hộ thuộc nhóm khá, 10 hộ thuộc nhóm trung bình, 10 hộ thuộc nhóm nghèo đói.

(2) Phương pháp thu thập dữ liệu (data), thông tin (information)

- Thu thập các số liệu thứ cấp (secondary data) liên quan đến vấn đề nghiên cứu

Các tài liệu kế thừa đảm bảo được tính cập nhật (update), chính thống (cơ quan, tổ chức có chức năng) và đảm bảo độ tin cậy phù hợp với yêu cầu của nội dung nghiên cứu.

- Khảo sát thu thập dữ liệu và thông tin tại hiện trường (primary data)

- Sử dụng các công cụ PRA (phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân - Participatory Rural Appraisal). Trong quá trình phỏng vấn để thu thập thông tin từ CĐDC một cách có hiệu quả, sử dụng song song vừa tiếng Kinh và tiếng địa phương (Bahnar)

(3) Xử lý, tổng hợp và phân tích số liệu

Sử dụng phần mềm Excel 7.0 trên máy vi tính để xử lý số liệu mang tính định lượng, dùng phương pháp PRA để xử lý các số liệu định tính trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### Các hoạt động sinh kế của CĐDC vùng đệm tác động đến tài nguyên rừng

#### *Các hoạt động sinh kế có sử dụng tài nguyên rừng*

- Hoạt động khai thác và sử dụng đất rừng để sản xuất nông lâm nghiệp:

Hoạt động phát rừng làm nương rẫy đã gắn liền với phong tục tập quán canh tác của các đồng bào dân tộc thiểu số, gây sức ép đến nguồn tài nguyên rừng VQG.

Bảng 1. Hình thức sử dụng đất rừng để sản xuất nông lâm nghiệp

TT	Hình thức sử dụng đất	Số hộ phỏng vấn	Số hộ thực hiện		Số hộ không thực hiện	
			Số hộ	Tỉ lệ (%)	Số hộ	Tỉ lệ (%)

1	Trồng Sắn	90	87	96,7	3	3,3
2	Trồng Ngô	90	3	3,3	87	96,7
3	Trồng Bời lồi	90	7	7,8	83	92,2
4	Trồng Cà phê	90	3	3,3	87	96,7
5	Trồng Keo	90	1	1,1	89	98,9
6	Trồng Bạch đàn	90	2	2,2	88	97,8
7	Không có đất rẫy	90	4	4,4		

Từ bảng 1 cho thấy có đến 86/90 (tương đương 95,6%) hộ dân có sử dụng đất rừng để sản xuất nông lâm nghiệp. Mặt khác, số hộ sử dụng đất trồng Sắn chiếm 96,7%, lý do mấy năm gần đây Sắn bán được giá, dễ trồng và ít tốn công cho nên người dân đã lựa chọn cây Sắn là loại cây trồng chính trên đất rừng.

- *Hoạt động khai thác lâm sản với mục đích sử dụng cho nhu cầu tại chỗ:*

CĐDC vùng đệm có cuộc sống gắn bó với rừng từ bao đời nay. Rừng là nơi cung cấp nhiều sản phẩm phục vụ cho nhu cầu cuộc sống của người dân địa phương, bao gồm:

- + Khai thác gỗ để làm nhà ở, nhà kho, nhà rông truyền thống, nhà chòi, chuồng trại chăn nuôi,...
- + Khai thác củi phục vụ cho việc đun nấu chế biến thức ăn hàng ngày, chế biến nông sản (sấy lúa, sấy măng khô), sưởi ấm vào mùa Đông giá lạnh,...
- + Khai thác các loại LSNG như măng, nấm, trái cây rừng (Và, Dâu da, Trâm, Trám,...), rau xanh, dùng làm thức ăn hàng ngày. Khai thác cây thuốc chữa bệnh thông thường. Các loại Tre nứa, Lô ô, Song mây dùng đan lát vật dụng và làm nhà.
- + Săn bắt các loại động vật như Sóc, Thỏ, Chim, Chuột, Rắn, Cá, Éch,... bổ sung nguồn thực phẩm cho bữa ăn của gia đình.

- *Hoạt động khai thác lâm sản với mục đích hàng hóa:*

Hoạt động khai thác các loại lâm sản với mục đích bán ra thị trường để thu về bằng tiền mặt phục vụ nhu cầu chi tiêu trong gia đình hoặc đem đổi lấy những mặt hàng cần thiết.

**Bảng 2. Các loại sản phẩm mà CĐDC vùng đệm khai thác từ rừng**

TT	Loại sản phẩm khai thác từ rừng	Số hộ phỏng vấn	Hộ tham gia khai thác		Số lượng khai thác		Mục đích sử dụng	
			Số hộ	Tỉ lệ (%)	Đơn vị	Số lượng	Sử dụng	Đem bán
1	Gỗ	90	35	38,9	m <sup>3</sup>	16,1	9,66	6,44
2	Củi	90	67	74,4	ster	844,2	844,2	0
3	Cây thuốc	90	6	6,7	kg	3	2	1
4	Cây rau	90	60	66,7	gùi	4	4	0
5	Cây làm men rượu	90	5	5,6	gùi	15	15	0
6	Đốt	90	42	46,7	kg	630	0	25
7	Mật ong	90	15	16,7	lít	52,5	15	37,5
8	Song mây	90	24	26,7	dây	600	554	46
9	Phong lan	90	10	11,1	khóm	240	0	240
10	Lô ô	90	55	61,1	cây	660	660	0
11	Săn bắt động vật	90	17	18,9	con	68	19	49

Bảng 2 ghi nhận 35% số hộ dân địa phương vào rừng khai thác gỗ để sử dụng và đem bán, 67% số hộ khai thác củi, 42% số hộ khai thác Đốt, 17% số hộ săn bắt động vật rừng,... Với những con số thống kê trên là minh chứng cho cuộc sống của cộng đồng còn phụ thuộc khá nhiều vào nguồn TNR.

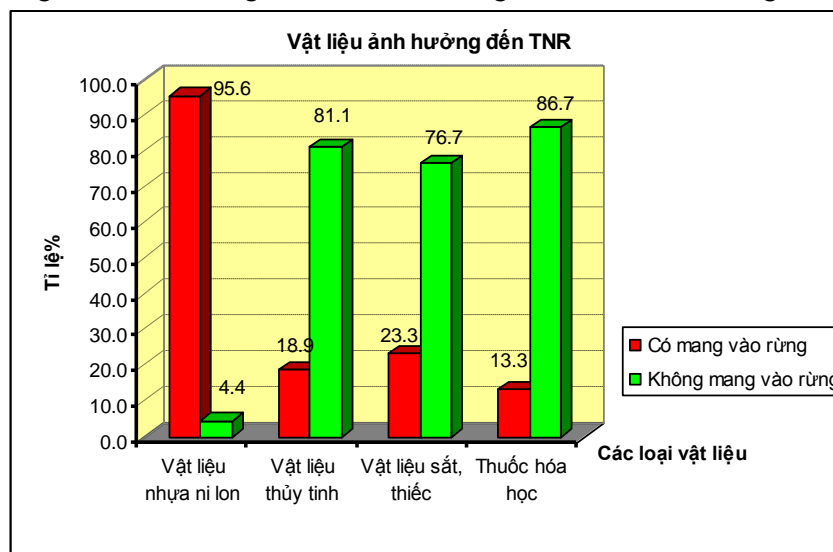
- *Hoạt động sử dụng rừng và đất rừng để chăn nuôi gia súc:*

Chăn nuôi gia súc theo phương thức thả rong trong rừng tự nhiên và rừng trồng đã trở thành thói quen của các dân tộc thiểu số ở nước ta. Phỏng vấn người dân cho rằng: “*Minh thả con bò vào ăn trong rừng và tối tự nó tìm về nhà, không cần mất công giữ nó*”.

**Tác động đến tài nguyên rừng bằng chất thải và hóa chất:**

Kết quả điều tra (hình 2) có 95,6% số hộ dân sử dụng những sản phẩm như bao nylon để gói thực phẩm, 23,3% số hộ sử dụng hộp nhôm thiếc, chai nhựa dẻo,... để đựng những thứ cần thiết khi mang vào rừng, khi đã sử dụng xong thường vứt lại trong rừng. Số lượng rác thải này rất khó phân hủy

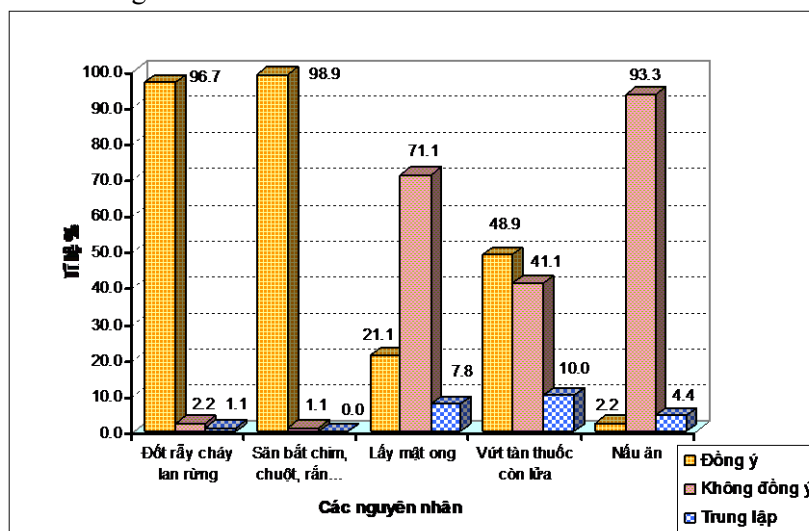
và gia tăng theo thời gian, do vậy sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường rừng, cây tái sinh và vi sinh vật trong đất. Đặc biệt nguy hại là việc sử dụng hóa chất để phun diệt cỏ trước khi làm đất trồng cây, dùng thuốc trừ sâu bệnh để phun cho cây trồng (lúa, bầu bí, đậu đỗ,...) đây là nguyên nhân làm ảnh hưởng rất lớn đến môi trường nước và đất rừng, thảm thực vật, động vật và vi sinh vật rừng.



Hình 2: Các loại rác thải do người dân mang vào rừng

**Tác động đến tài nguyên rừng do các hoạt động sinh kế gây ra rủi ro:**

Qua kết quả điều tra ghi nhận, mỗi khi vào rừng, người dân địa phương thường mang theo bật lửa để sử dụng cho các hoạt động như là hút thuốc, nấu ăn, sưởi ấm, đuổi côn trùng (muỗi, ve, ruồi), đốt nương rẫy, đồng cỏ, lấy mật ong và săn bắt chim thú. Vào mùa khô, do dùng lửa bất cẩn nên đã làm ngọn lửa cháy lan vào rừng.

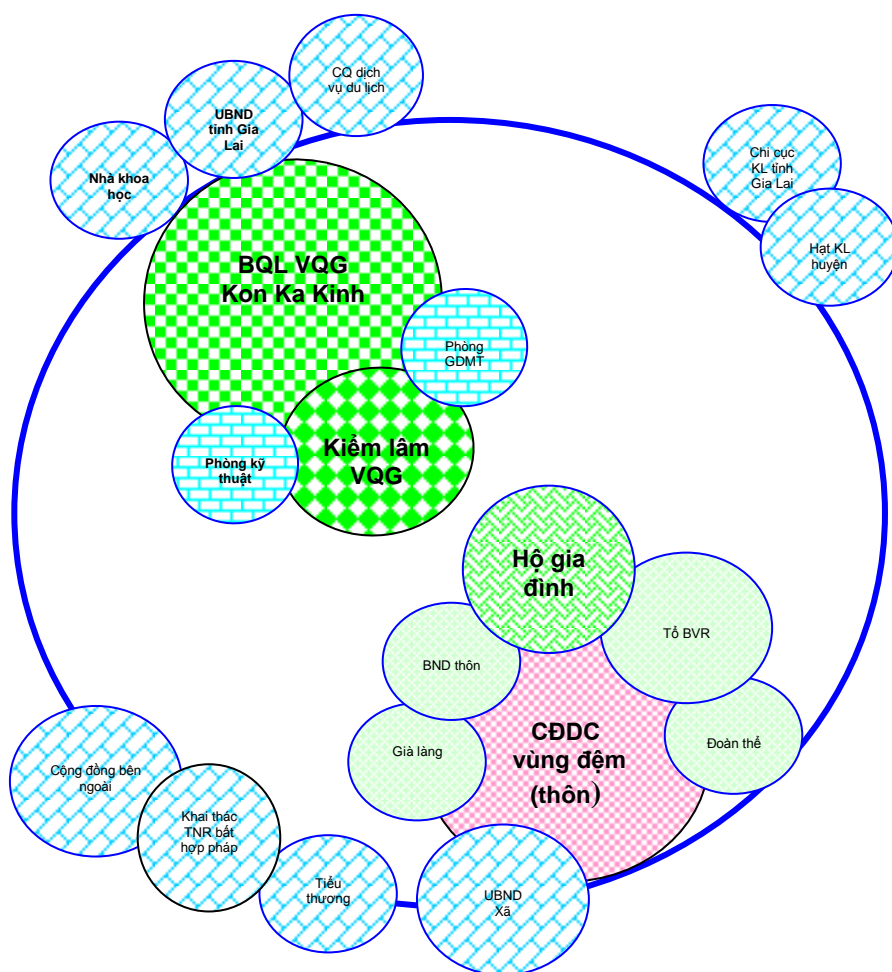


Hình 3: Các nguyên nhân gây cháy rừng

Hình 3 cho thấy có đến 89,9% số người dân địa phương cho rằng rừng bị cháy là do việc săn bắt chim, chuột, rắn,... và có đến 96,7% cho rằng do trước khi đốt rẫy không dọn sạch đường ranh cản lửa quanh rẫy hoặc do đường ranh quá hẹp nên ngọn lửa cháy lan vào rừng, 48,9% số hộ nhất trí rừng bị cháy là do vứt tàn thuốc còn lửa dọc đường vào rừng.

**Vai trò của các bên liên quan trong công tác quản lý bảo vệ rừng tại VQG Kon Ka Kinh**

Nguồn TNTN trong VQG Kon Ka Kinh hiện nay rất nhiều tổ chức, đơn vị cá nhân quan tâm và có vai trò cũng như mục đích khác nhau trong quản lý sử dụng TNR. Sơ đồ Venn (Hình 4) thể hiện vai trò và tầm ảnh hưởng của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc quản lý và sử dụng TNR của Vườn.



Hình 4: Mối quan hệ giữa các bên liên quan trong quản lý và sử dụng TNR - Sơ đồ Venn

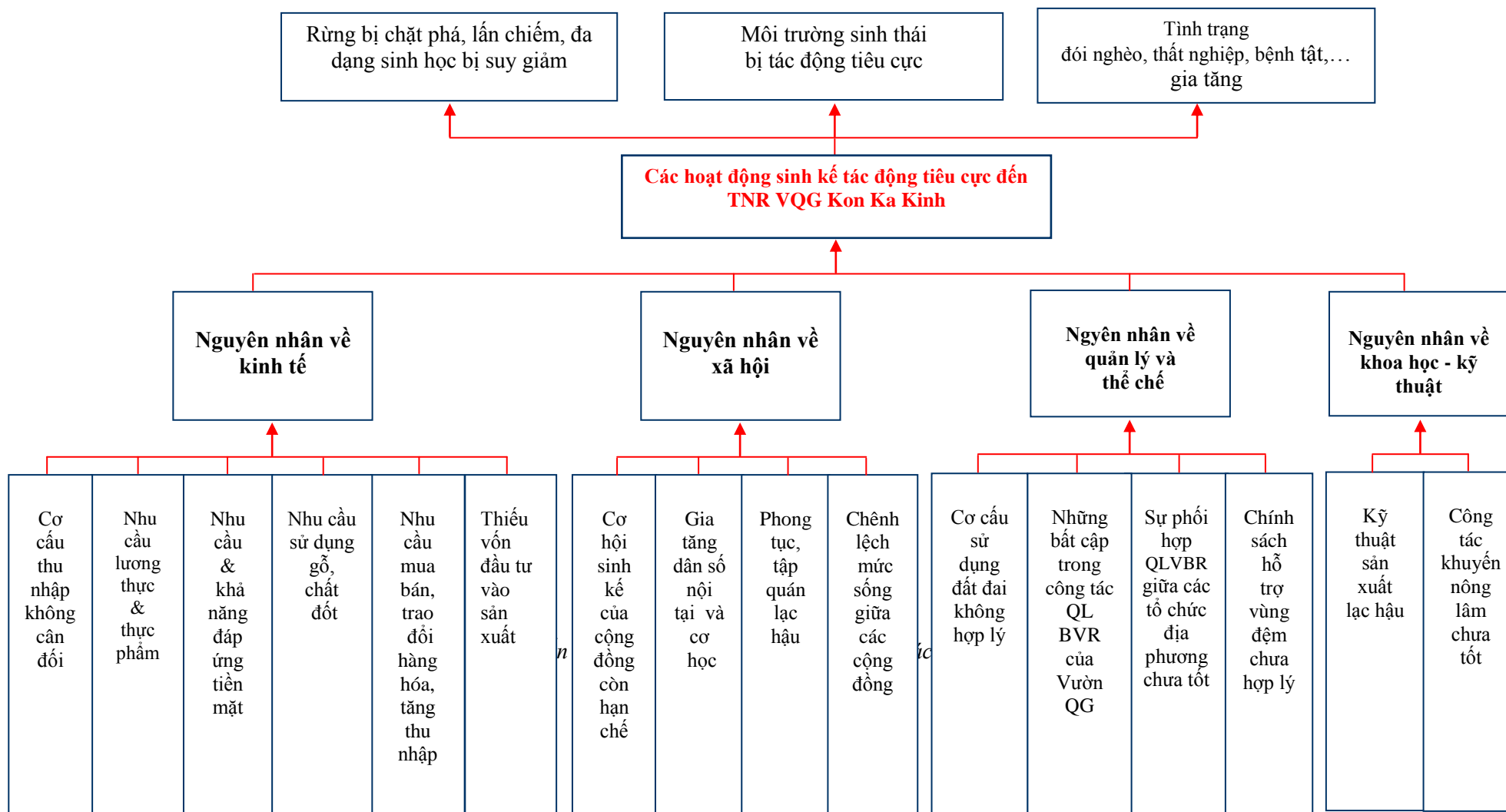
Quan sát sơ đồ Venn trên cho thấy mức độ ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc nhất đến nguồn TNR chính là CĐDC vùng đệm (điển hình là hộ gia đình) và BQL VQG Kon Ka Kinh (lực lượng kiểm lâm Vườn). Giữa 2 tổ chức này có mối quan hệ hữu cơ vừa có sự thống nhất, hỗ trợ đồng thời vừa có sự mâu thuẫn, xung đột trong công tác QL BV nguồn TNR. Việc nghiên cứu để tìm ra những giải pháp giảm sự mâu thuẫn, xung đột và tăng cường sự thống nhất giữa các bên có liên quan, sẽ góp phần hướng đến đạt mục tiêu quản lý và sử dụng bền vững nguồn TNR VQG Kon Ka Kinh.

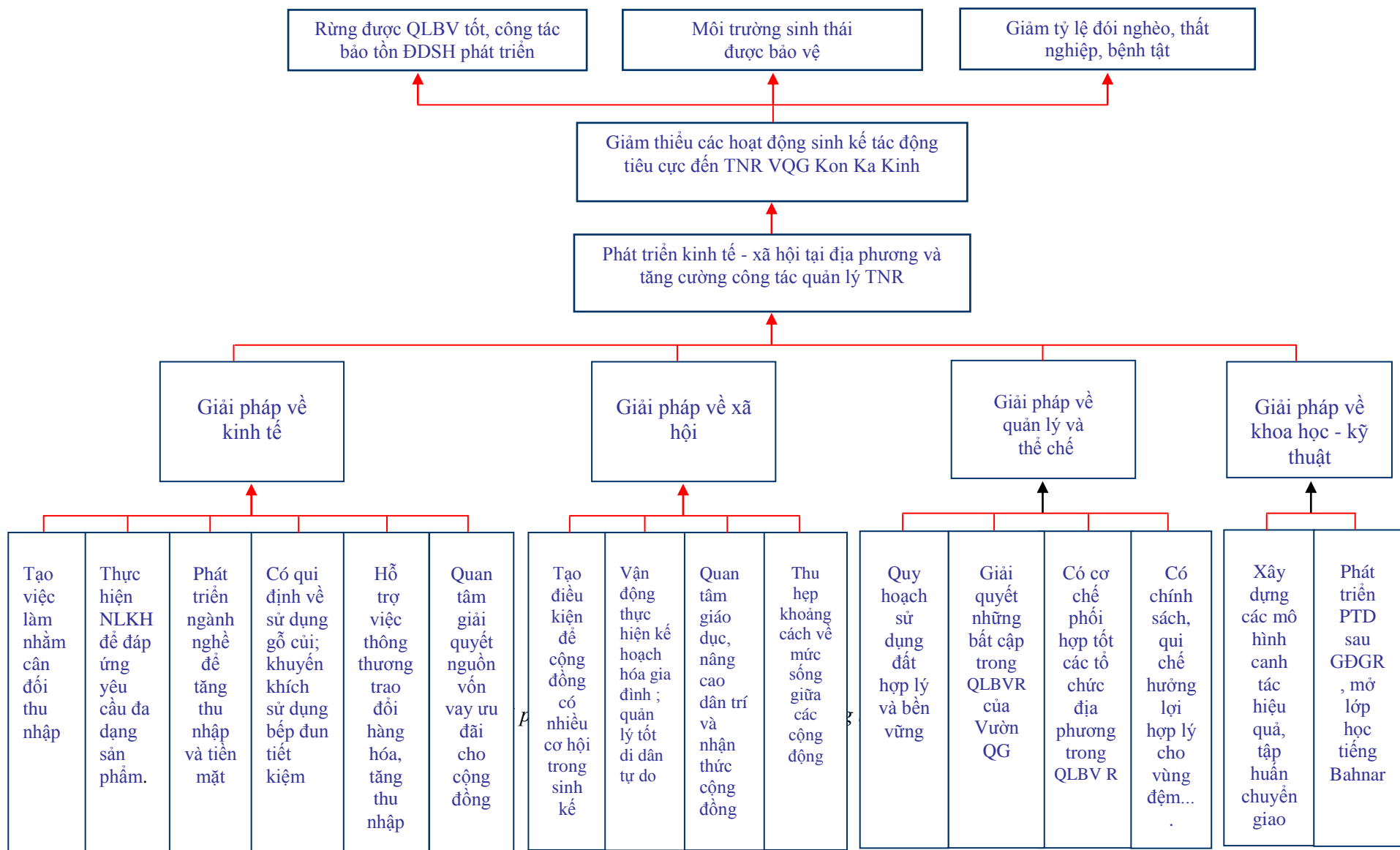
**Các nguyên nhân dẫn đến sự hình thành các hoạt động sinh kế của các CĐDC vùng đệm tác động đến tài nguyên rừng vườn quốc gia Kon Ka Kinh**

Qua quá trình thu thập và phân tích số liệu, đề tài đã đưa ra được hình 5 trình bày những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự hình thành các hoạt động sinh kế có tác động tiêu cực đến TNR vùng đệm VQG Kon Ka Kinh. Việc nắm bắt được bản chất, nguồn gốc của các nguyên nhân sẽ là cơ sở cho việc đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm ổn định và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, giảm thiểu những tác động bất lợi đến nguồn TNR.

**Đề xuất một số giải pháp nhằm giảm áp lực tác động bất lợi của CĐDC vùng đệm đến tài nguyên rừng vườn quốc gia Kon Ka Kinh**

Trên cơ sở phân tích cây vấn đề (Hình 5) về các nguyên nhân dẫn đến sự hình thành những tác động tiêu cực của CĐDC vùng đệm đến TNR VQG Kon Ka Kinh, đề tài đề xuất một số nhóm giải pháp (Cây mục tiêu - Hình 6) nhằm giảm thiểu những tác động bất lợi đến TNR.





## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### Kết luận

Vườn quốc gia Kon Ka Kinh hiện đang quản lý diện tích rừng và đất rừng rộng lớn (41.780ha), là nơi phân bố nhiều loài động thực vật quý hiếm được ghi trong sách đỏ Việt Nam và thế giới. Nhưng hiện nay nguồn tài nguyên rừng đã và đang đứng trước nguy cơ suy giảm về số lượng và chất lượng đến mức báo động. Một trong những nguyên nhân chính có tác động sâu sắc, mạnh mẽ đến nguồn TNR Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh là các hoạt động sinh kế của cộng đồng địa phương sinh sống trong vùng đệm.

Các cộng đồng dân cư vùng đệm đều có cuộc sống gắn bó mật thiết với rừng từ bao đời cho đến nay. Trong cơ cấu thu nhập của người Bahnar, nguồn thu nhập từ việc khai thác sản phẩm từ rừng chiếm tỉ trọng đến 21,3%, chứng tỏ sinh kế của người Bahnar còn phụ thuộc khá nhiều vào tài nguyên rừng.

Trên cơ sở phân tích đánh giá thực trạng kinh tế xã - hội tại địa phương và tình hình công tác quản lý bảo vệ rừng khu vực, đề tài đã xác định được các hoạt động sinh kế của các cộng đồng dân cư vùng đệm tác động bất lợi đến tài nguyên rừng, đồng thời tìm ra các nguyên nhân (hình 5 - Cây vắn đề) hình thành những tác động đó làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp cải thiện sinh kế của cộng đồng bao gồm: 4 nhóm giải pháp được trình bày ở hình 6 - Cây mục tiêu.

Các giải pháp nêu trên cần phải được triển khai đồng bộ, linh hoạt và phù hợp với văn hóa tại địa phương mới đem lại hiệu quả cao.

### Kiến nghị

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, phê duyệt để đẩy nhanh tiến độ thực hiện giai đoạn 2 của dự án đồng quản lý rừng đặc biệt với sự tham gia của cộng đồng dân cư vùng đệm tại Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh.

Chính quyền địa phương cần phối hợp với Vườn quốc gia và cộng đồng dân cư vùng đệm tiến hành rà soát lại phân diện tích đất trồng và diện tích đất nương rẫy xâm canh và tiến hành giao đất và hỗ trợ cây giống, phân bón cho người dân trồng rừng (trồng Keo, Bời lời đỏ) xen Sắn dưới tán theo phương châm “*lấy ngắn nuôi dài*”.

Cần xây dựng các mô hình sản xuất hiệu quả tại địa phương, đồng thời tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo đầu bờ nhằm nhân rộng các mô hình sản xuất này vào thực tiễn.

Cần mở rộng quan hệ hợp tác và kêu gọi vốn đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào vùng đệm và nguồn tài nguyên rừng vườn quốc gia Kon Ka Kinh, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên rừng.

Quan tâm việc nghiên cứu nguồn tài nguyên lâm sản ngoài gỗ tại Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh làm cơ sở cho việc thiết lập cơ chế hưởng lợi hợp lý đối với cộng đồng dân cư vùng đệm, nhằm hướng đến quản lý và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên rừng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Trần Côn và các cộng sự (2006), Cẩm nang ngành Lâm nghiệp, chương *Quản lý rừng bền vững*, Dự án GTZ- REFAS.
2. Nguyễn Danh (2009), *Đánh giá nông thôn có sự tham gia (PRA) trong khuyến nông lâm*, Nxb Đà Nẵng.
3. Donovan D., Rambo A.T, Fox J., Lê Trọng Cúc, Trần Đức Viên (1997), *Những xu hướng phát triển vùng núi phía Bắc Việt Nam*, Tập 2 - Các nghiên cứu mẫu và bài học từ Châu Á, Trung tâm Đông Tây, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Trang 1-2.
4. Bảo Huy (2005), *Quản lý rừng và đất rừng dựa vào cộng đồng dân tộc thiểu số Jrai và Bahnar, tỉnh Gia Lai*.
5. Báo cáo tham vấn xã hội của VQG Kon Ka Kinh (2010), Quỹ bảo tồn rừng đặc dụng Việt Nam (VCF).
6. Colin McQuist (1999), *Equality a Pre-requisite for effective Bufferzone Management*. ITTO Newsletter.



7. Do Anh Tuan (2001), *Influences of conservation initiatives on livelihood of local communities and their attitudes towards conservation policy*, A casestudy of Pu Mat nature reserve, Vietnam, School of Environment, Resources and Development Bangkok, Thailand.

**REASERCHING THE EFFECT ON LIVELIHOOD ACTIVITIES OF THE BUFFERZONE PEOPLE COMMUNITIES AFFECTED ON FOREST RESOURCES OF THE KON KA KINH NATIONAL PARK, GIA LAI PROVINCE**

**Nguyen Danh, Nguyen Van Vu**

**SUMMARY**

The Kon Ka Kinh National Park is an ASEAN Heritage since 2003. Although there are lot of try in forest managing and protecting the forest resources they are standing before the threat of degradation. One of main causes is the livelihood of the people communities living in and outside the bufferzone of the Kon Ka Kinh. Researching result shows that there are 4 main cause groups of livelihood activity affected in forest resources, they are: Causes of economy, causes of society, causes of institution and management and causes of science and technology.

**Keywords:** National Park, Livelihood, Bufferzone, Forest resources.

**Người thẩm định:** PGS.TS. Võ Đại Hải